

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 – CÀ MAU
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **209/2025/DS-ST**
Ngày 05 - 9 - 2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên toà: Ông Trương Huỳnh Hải.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Trường An.

Ông Huỳnh Văn Năm.

- Thư ký phiên toà: Bà Dương Thị Thêu - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau.

Ngày 05 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 88/2025/TLST-DS ngày 30/7/2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 268/2025/QĐXXST-DS ngày 21/8/2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V (V1). (Gọi tắt là Ngân hàng).

Địa chỉ trụ sở: H L, phường Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D – Chức vụ: Chủ tịch HĐQT.

Người đại diện hợp pháp của ông D: Ông Lê Đức L – Chức vụ: Trưởng phòng xử lý nợ khách hàng doanh nghiệp M1 – Là người đại diện theo uỷ quyền (Theo Văn bản uỷ quyền số: 16/2025/UQN-CTQT ngày 24/4/2025).

Người được ông T uỷ quyền lại:

Ông Lê Văn M – Chức vụ: Cán bộ xử lý nợ. (Theo Văn bản uỷ quyền số: 109175.07/2025/UQ-VPB ngày 02/7/2025).

Địa chỉ: Tầng C, số A, đường N, phường L, tỉnh Cà Mau.

Ông Bùi Văn S – Chức vụ: TBP XLN - V1. (Theo Văn bản uỷ quyền số: 109175.07/2025/UQ-VPB ngày 02/7/2025).

Địa chỉ: C N, phường C, thành phố Cần Thơ.

Ông Lê Minh K – Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ.

Địa chỉ: Số A, đường N, phường L, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Bà Nguyễn Thị D1, sinh năm 1979.

Địa chỉ trụ sở: Ấp R, xã T, tỉnh Cà Mau.

Ông K có mặt. Bị đơn và người tham gia tố tụng khác vắng mặt không rõ lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 09/7/2025, lời trình bày của người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có tại hồ sơ và tại phiên toà, thể hiện: Vào ngày 21/6/2024 giữa nguyên đơn và bị đơn ký Giấy đăng ký kiêm hợp đồng cấp hạn mức tín dụng thẻ, phát hành và sử dụng thẻ, mở và sử dụng tài khoản thanh toán, dịch vụ Ngân hàng Đ: CN/VN0010123 (gọi tắt là hợp đồng tín dụng), với hạn mức tín dụng là 40.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ nhu cầu đời sống, thời hạn vay 36 tháng, lãi suất vay 38%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, hình thức trả nợ gốc và lãi định kỳ hàng tháng (hệ thống tự động báo gốc lãi, khách hàng nạp tiền vào hệ thống thanh toán). Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng thì nguyên đơn đã giải ngân toàn bộ số tiền gốc 40.000.000 đồng bằng hình thức chuyển khoản vào tài khoản của khách hàng. Quá trình thực hiện hợp đồng bị đơn có đã vi phạm nghĩa vụ trả vốn và lãi theo thỏa thuận hợp đồng, đến ngày 06/8/2024 toàn bộ khoản nợ đã chuyển toàn bộ số dư nợ sang nợ quá hạn, tính đến hết ngày 05/9/2025 bị đơn còn nợ nguyên đơn tổng số tiền vốn và lãi là 64.339.819 đồng (Trong đó, nợ gốc 39.545.064 đồng, nợ lãi trong hạn 16.529.837 đồng, nợ lãi quá hạn 8.264.918 đồng).

Ông K đại diện cho Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả tổng số tiền nợ nêu trên.

- Đối với bị đơn: Tòa án đã triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và 02 lần để xét xử, nhưng bị đơn đều vắng mặt không rõ lý do, đồng thời không có ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì phản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Từ những nội dung vụ án thể hiện;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và đã được xem xét tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Xét về thủ tục:* Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để xét xử, nhưng vắng mặt không rõ lý do, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự - được sửa đổi bổ sung năm 2025 (BLTTDS) xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về quyền khởi kiện, quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:* Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký kết. Xét thấy bị đơn có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Cà Mau nên Tòa án nhân dân khu vực 3 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau thụ lý giải quyết vụ án dân sự “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

[3] *Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:*

[3.1] Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng có kèm nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn để triệu tập bị đơn hợp lệ tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án, nhưng bị đơn không đến để tham gia và cũng không có ý kiến phản đối hay cung cấp tài liệu, chứng cứ gì chứng minh đã thanh toán xong các khoản nợ theo yêu cầu của Ngân hàng.

[3.2] Như vậy, có căn cứ xác định thực tế bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 64.339.819 đồng (Trong đó, nợ gốc 39.545.064 đồng, nợ lãi trong hạn 16.529.837 đồng, nợ lãi quá hạn 8.264.918 đồng) tính đến hết ngày 05/9/2025 chưa thanh toán là đúng và lãi suất thỏa thuận theo hợp đồng giữa các bên phù hợp với quy định của pháp luật chuyên ngành.

[3.3] Do bị đơn đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên cần bị đơn có nghĩa vụ trả toàn bộ khoản nợ nêu trên cho nguyên đơn và lãi phát sinh theo hợp đồng đã ký kết cho đến khi trả dứt nợ là hoàn toàn phù hợp theo quy định tại Điều 100, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng (LCTCTD).

[4] *Về án phí*: Bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% đối với số tiền Tòa án buộc trả cho Ngân hàng theo quy định tại Điều 147 BLTTDS và điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án (Nghị quyết số: 326). Đối với yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí, số tiền tạm ứng án phí của nguyên đơn đã dự nộp trước được hoàn lại toàn bộ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 227, Điều 228 BLTTDS; Điều 100, Điều 103 LCTCTD; Điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326.

1. Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP V (V1).

+ Buộc bà Nguyễn Thị D1 phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng TMCP V (V1) số tiền 64.339.819 đồng (Trong đó, nợ gốc 39.545.064 đồng, nợ lãi trong hạn 16.529.837 đồng, nợ lãi quá hạn 8.264.918 đồng) tính đến hết ngày 05/9/2025 và kể từ ngày 06/9/2025 bà Nguyễn Thị D1 còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối số tiền nợ chưa thanh toán, theo mức lãi suất thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã được ký kết giữa các bên cho đến khi trả hết nợ.

2. Án phí sơ thẩm dân sự có giá ngạch:

+ Buộc bà Nguyễn Thị D1 phải nộp 3.216.990 đồng.

+ Ngân hàng TMCP V (V1) đã dự nộp tạm ứng án phí trước với số tiền là 1.476.656 đồng theo biên lai thu số: 0011469 ngày 28/7/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh C được hoàn lại toàn bộ.

3. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án này trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 3 – Cà Mau;
- Phòng THADS khu vực 3 – Cà Mau;
- Đương sự;
- Người TGTG khác;
- Lưu HSVA, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Trương Huỳnh Hải